

RÈN KIẾM

鑄劍

*Kiểm tra hỏa hầu, trùy đoạn đao nhận,
chu nhi phục thủy, thiên trùy bách luyện,
chú kiếm kỹ nghệ dữ sinh mệnh dĩ hồn vi nhất thể.*

檢查火候，錘鍛刀刃，週而復始，千錘百鍊
，鑄劍技藝與生命已渾為一體

(coi lại sức lửa, rèn đập lưỡi kiếm ...
cứ qua lại như thế rèn đi rèn lại hàng nghìn lần,
đem sinh mệnh và nghệ thuật trộn lại làm một)

Trần Thiên Dương



Nhiều người đã đặt câu hỏi, kiếm vốn là một loại vũ khí đời xưa, liệu đến nay có còn ai rèn đúc nữa không?

Lẽ dĩ nhiên chúng ta không nói đến những thợ thủ công chế tạo những loại kiếm bằng nhôm để cho võ sinh tập múa, cho các nghệ sĩ trên sân khấu hay diễn viên điện ảnh sử dụng. Những kiếm loại đó chỉ là một sản phẩm “giả” mà hình dáng, trọng lượng, chất liệu đều không thể nào sánh được với kiếm đời xưa. Tuy nhiên, không phải vì thế mà những tượng nhân chuyên về rèn kiếm đã hoàn toàn thất truyền. Tại Trung Hoa, Đài Loan và nhất là Nhật Bản, vẫn có những gia đình cha truyền con nối chuyên về đúc kiếm, tạo nên những tác phẩm nghệ thuật dành riêng cho người có tấm lòng hoài cổ thường ngoạn, sưu tầm. Những nghệ sĩ đó cống hiến cuộc đời họ cho việc chế tạo, rèn đúc những thanh bảo kiếm tân thời, có thể nói phối hợp được cả những kỹ thuật luyện kim mới với óc thẩm mỹ và sáng tạo để hình thành những tuyệt phẩm với trị giá lên đến mức phi thường.

Kể từ khi Hoa Lục mở cửa để chuyển hướng theo đường lối kinh tế thị trường, sản phẩm cũng phải chiều theo những định luật kinh tế. Nhiều mặt hàng lúc đầu chỉ để cung cấp một số lượng lớn với giá rẻ nay đã từ từ tiến sang hàng tinh mỹ với giá thành cao. Vào những tiệm bách hóa hay mỹ thuật, nhiều mặt hàng từ lục địa nay giá cả cũng ngang ngửa chẳng kém gì hàng của các nước đã phát triển.

Tuy nhiên, riêng về bảo kiếm, người viết chưa tìm ra được tài liệu nào về những tân nghệ nhân của Trung Quốc, có lẽ vì nhu cầu giới hạn, lại nữa sau nhiều năm dưới chế độ kinh tế chỉ huy, ngành đúc kiếm đã thất truyền nên đến nay chưa khôi phục lại được. Tuy trên thị trường cũng có bán những bảo kiếm do lục địa chế tạo, với nhiều đặc tính tương tự như truyền thuyết, nhưng vẫn chỉ là loại hàng làm giả đồ xưa vì mục đích thương mại chứ không phải là những tác phẩm nghệ thuật đích thực. Trong bài này chúng tôi chỉ tường thuật về một nghệ sư đúc kiếm (chú kiếm công nghệ sư - 鑄劍工藝師) hiện còn sống tại Đài Loan. Đó là ông Trần Thiên Dương.

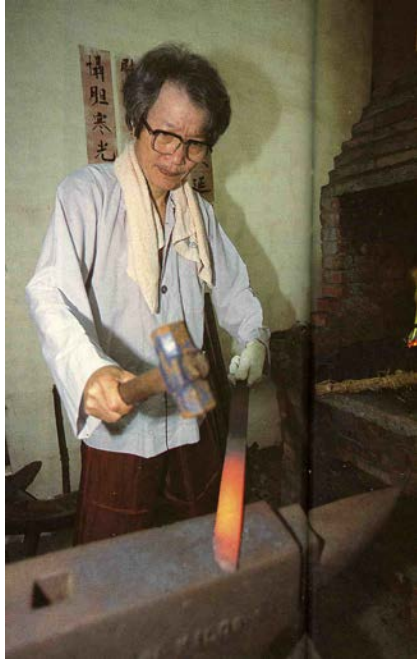
Phải nói rằng tuy nghệ thuật đúc kiếm phát xuất từ Trung Hoa nhưng ngay tại nước Tàu cũng hiếm có những nghệ nhân nổi danh, cũng ít người sống chết với nghề rèn kiếm để biến nghệ thuật này thành một bảo kỹ cha truyền con nối như tại Nhật Bản. Có lẽ vì thế mà chúng ta chỉ nghe nói đến những nhân vật truyền kỳ trong lịch sử mà khó kiếm trên thực tế, mặc dầu không hiếm người bịa đặt ra những huyền thoại về sản phẩm của mình.

Ở Đài Loan, người nghệ sĩ nổi danh về nghệ thuật đúc kiếm năm nay đã 64 tuổi, tên là Trần Thiên Dương (陳天陽). Ông sinh năm 1940 tại Sa Lộc, Đài Trung nhưng vì tình hình chiến sự khi đó đang đến hồi khốc liệt, gia đình phải tản cư sang Bạch Hà, Đài Nam khi ông mới 4 tháng. Năm 15 tuổi, ông lên Đài Bắc theo học lớp đêm tại trường Trung Học Kiến Quốc, may mắn sao gặp được một nhà sư già thuộc phái Thiếu Lâm tên là Liễu Viên (了圓) khi đó đã 75 tuổi. Hai người có duyên với nhau nên Trần liền bỏ học để theo làm đệ tử vị hoà thượng, lấy pháp danh là Thanh Vân. Kể từ đó ông theo thầy đi lang thang khắp nơi và học được nghệ thuật rèn kiếm thuộc phái Lĩnh Nam (嶺南) của nhà sư.

Ngoài thuật rèn kiếm, Liễu Viên đại sư còn dạy Trần Thiên Dương võ nghệ, các tấn pháp, quyền pháp, côn pháp và nhất là kiếm pháp. Liễu Viên nói:

- Nếu con không tinh thông kiếm pháp thì nhất quyết không thể nào hiểu được thuật rèn kiếm.

Sau khi đã dạy cho Trần Thiên Dương nhiều loại kiếm pháp khác nhau, Liễu Viên hoà thượng theo cách của người xưa bắt đệ tử múa kiếm dưới ánh trăng. Nếu đêm nào không có trăng thì luyện quyền, luyện côn, luyện bổng để nghe tiếng gió mà biện vị, ngõ hầu có thể đối phó với trường hợp bị đánh bất ngờ. Trong những hôm mưa gió, ông tập thiền để cho lòng thanh thản, trống trải và thêm thư thái.



Liễu Viên hoà thượng cũng nhấn mạnh rằng đối với người rèn kiếm, điều quan trọng nhất là phải chấp nhận gian khổ, thà phải nhịn đói còn hơn đúc ra một thanh kiếm kém phẩm chất. Sư phụ của Trần Thiên Dương dạy ông ba tâm quyết:

- Không bao giờ bán kiếm cho kẻ có lai lịch bất minh.
- Không bao giờ bán kiếm cho một kẻ róm đời, hợm hĩnh dù cho có trả giá cao mấy chằng nữa.
- Không bao giờ bán kiếm cho một kẻ hung hăng, vũ phu.

Mỗi năm hai thầy trò xuống núi ba tháng để kiếm sống bằng nghề sửa dao, sửa kiếm. Chín tháng còn lại họ ở trên núi rèn kiếm và tuy hết sức đam bạc, hai thầy trò cũng nhiều khi túng bản.

Năm 1956, trời mưa tầm tã suốt 50 ngày liền, Liễu Viên hoà thượng và Trần Thiên Dương phải ở lì trong núi cho đến khi không còn tiền bạc, gạo muối gì cả. Nhân một lúc tạnh ráo, hai người đạp xe xuống chân núi mua mười cân cơm cháy (oa ba phạn - 鍋巴飯) đem về làm lương thực ăn dần. Gian khổ như thế càng làm cho cậu bé 15 tuổi thêm nghị lực. Hoà thượng Liễu Viên cũng giáo huấn đệ tử:

- Muốn thành công trên bước đường nghệ thuật, phải trải qua những thử thách như thế.

Một lý do khác khiến cho cậu bé thêm hăng hái trên bước đường học nghệ thuật rèn kiếm chính là yếu tố kinh tế. Sau Thế Chiến thứ hai, kiếm được việc làm mang lại 25 đến 30 đồng (tiền Đài Loan) đã khá, vậy mà mài một thanh kiếm – mất khoảng 3 đến 5 ngày – tiền công thường từ 150 đến 300 đồng. Thế nhưng không phải lúc nào cũng có khách và nhiều khi thầy trò phải đi lang thang nhiều ngày, nhiều nơi không có gì làm. Nơi họ thường lui tới là đường Cô Lãnh, Hoà Bình, Nam Hải ở Đài Bắc hoặc những khu Tam Giáp, Cảnh Mỹ, Mộc Sách ở ngoại ô nơi có nhiều quan chức cao cấp là những người thích sưu tầm dao, kiếm.

Kỷ niệm đáng nhớ nhất của thời kỳ đó là lần ông được thầy sai đến nhà một người bạn cũ của hoà thượng là tướng Hà Ứng Khâm (何應欽) để đem một số thanh kiếm cổ về mài. Ông gói những thanh kiếm đó trong một bọc vải nhưng bị cảnh sát khởi nghi nên giữ lại, bắt vào đồn vì tìm thấy vũ khí giấu trong người. Sau đó chính tướng Hà Ứng Khâm phải sai người đến lãnh ông ra.

Năm 1962, sư phụ Liễu Viên viên tịch, Trần Thiên Dương tiếp tục theo học lão sư Ngô Tu Hải (吳修海) và trở thành đệ tử đời thứ 32 của dòng Lâm Tế, Thiếu Thất Duy Đà Sơn. Trong bốn năm, ông được Ngô lão sư dạy không những võ thuật mà cả cách rèn kiếm của phương bắc, cách biện nhận đủ loại dao kiếm. Để sinh sống, ngoài nghề mài kiếm ông cũng còn mài dao mổ (scapels) cho bệnh viện đại học quốc gia Đài Loan (NTU).

Năm 1969, khi đã gần 30 tuổi, Trần Thiên Dương trở về Sa Lộc, thành lập một tự viện nhỏ. Vào thời kỳ đó, cuộc Cách Mạng Văn Hoá ở Hoa Lục vừa bộc phát, chính quyền Quốc Dân Đảng ở Đài Loan cũng kiểm soát gắt gao việc tập luyện võ nghệ, ít người nào dám giữ kiếm trong nhà ngoại trừ các sĩ quan cao cấp trong quân đội và cũng chẳng mấy ai dám thuê ông tu sửa kiếm.

Ngô Câu (吳鉤)

Cũng như nhiều danh nhân khác, thời kỳ gian khổ cũng là giai đoạn để con người rèn luyện tính khí, và Trần Thiên Dương đã hiểu được thế nào là “*có công mài sắt có ngày nên kim*”. Trước đây, khi chế tạo Thất Tinh Kiếm (Seven-Star Sword), thợ rèn thường chỉ khoan 7 cái lỗ nhỏ trên lưỡi kiếm rồi bịt đồng vào thành hình chòm sao Bắc Cực. Trần Thiên Dương nghiên cứu lưỡi kiếm nguyên thủy mà ngày xưa Đào Hoảng Cảnh (陶弘景) đời Lương chế tạo, rèn lưỡi kiếm thành 7 đốt để được thanh Phục Ma Thất Tinh Kiếm (伏魔七星劍) mà đạo sĩ đã dùng. Ông cũng rèn lại được Kim Cương Kiếm (金剛劍), Hàng Long Kiếm (降龍劍). Năm 1978, ông cũng tái tạo được Ngô Câu Dao (吳鉤刀), Thích Gia Dao (戚家刀)

và trở thành một nhân vật nổi danh trong ngành võ thuật và binh khí cổ truyền. Ngô Câu là thanh đao mà ngày xưa nước Ngô thời Chiến Quốc đã chế tạo, đời Đường người ta thích sử dụng (Lý Bạch nhắc đến trong bài thơ Hiệp Khách Hành) nên còn gọi là Đường đao. Trương Giản (張柬) trong Xuất Tái Khúc (出塞曲) đã viết:

Ngô câu minh tự nguyệt, Sở kiếm lợi như sương (吳鉤明似月 , 楚劍利如霜)

Thanh Ngô Câu đó truyền đến đời Minh, được vua ban cho Đông Xưởng 東廠,¹ được gọi là Đông Xưởng ngự tứ bảo đao. Trần Thiên Dương cải tiến Ngô Câu bằng cách thay đổi chiều dài, lưỡi đao cũng dẻo hơn, khi múa lên thoải mái và điểm thêm một số hoa văn trang sức, vì thế năm 1996 đã được giải Tuyệt Mỹ của Hiệp Hội Người Tiêu Thụ Đài Loan (ROC Consumers' Association Award of Excellence). Một thanh bảo đao khác cũng được họ Trần cải biến là thanh đao nhà họ Thích, gốc từ Đông Tam Tinh, Mãn Châu. Thích gia đao hình giống như một trái trám (olive) hay củ ấu nên cũng còn được gọi là lăng giác đao (菱角刀) hay cảm lâm đao (橄欖刀). Tới cuối đời Minh, khi đem quân tiêu trừ giặc biển (oải khấu 倭寇), Thích Kế Quang (戚繼光) cải tiến phép đánh đao, múa vòng ra sau lưng, sáng chế *Tri Tân Dâu đao pháp thập ngũ thức* (知辛酉刀法十五式) nên đánh bại được giặc lùn, Thích gia đao vì thế lưu truyền hậu thế. Trần Thiên Dương nghiên cứu Thích gia đao pháp, chế tạo thanh đao để có thể sử dụng một hay hai tay. Chính Tổng Thống Lý Đăng Huy của Đài Loan cũng đã mướn Trần Thiên Dương rèn một thanh đao loại này để trưng trí trong nội thất.

Thiên trụ bách luyện (千錘百鍊)

Nung trăm lần, rèn ngàn lần vốn dĩ là thành ngữ để chỉ việc phải làm đi làm lại cho thật nhuần nhuyễn, một công việc đòi hỏi vừa kiên nhẫn vừa khéo léo. Từ những mẫu sắt vụn rèn cho thành một thanh kiếm sáng bóng không phải là việc một sớm một chiều. Trần Thiên Dương tâm sự rằng rèn kiếm cũng là một cách luyện tâm hồn, phải tập trung tâm thần và tinh lực để hoàn thành được một thanh kiếm.

Đầu tiên, ông phải nung chảy nhiều loại sắt thép rồi trộn vào nhau bằng những tỉ lệ thích hợp. Sắt được đánh thành từng khối rồi nhồi như người ta nhồi bột, dát mỏng, cuộn lại, đập cho đến bao giờ những lớp thép dính chặt lại với nhau. Khi thép đã rèn xong lúc đó mới đập cho thành hình dạng một lưỡi kiếm. Tiến trình đó phải làm đủ 36 lần thì lưỡi kiếm mới đủ rắn chắc. Sau khi lưỡi thép qua đủ các giai đoạn, từ rèn đúc đến tôi luyện, giai đoạn cuối cùng là thử thách bằng thiên nhiên, thanh kiếm non² được bỏ ra ngoài mưa nắng. Một lưỡi kiếm dù quá trình hình thành công phu đến đâu nhưng không qua được thử thách này thì cũng chỉ là một thanh sắt vô dụng, không thể làm kiếm được. Thanh kiếm sau đó được thử bằng lối của nhà võ, phẩy mạnh theo hình chữ thập, lưỡi kiếm sẽ tùy ý chuyển động, tiếng gió phát ra nghe vi vu, chém vào gỗ, vào tre đục đầu đứt đó.

Kinh nghiệm đúc kiếm của họ Trần bao gồm bốn thời kỳ:

- Thời kỳ học việc với Liễu Viên đại sư, khi đó phần lớn dùng sắt Phúc An, tức là sắt sản xuất tại An Khê, Phúc Kiến. Loại sắt này tạp chất lẫn lộn nhiều, dùng hai cân thì sau khi rèn chỉ còn được tám lượng (tức còn 25%). Rèn cho được tám lượng sắt tốt mất khoảng một tuần, một thanh kiếm nặng hai cân (1 cân khoảng 600 gr) nhưng qua các giai đoạn rèn, mài, đánh bóng thì phải cần đến 3 cân thép nên ít nhất cũng phải một tháng mới xong.

¹ một cơ quan mật vụ do hoạn quan nắm giữ, chuyên đi dò thám cho hoàng đế về những hành vi của bách quan

² chữ gọi là sò kiếm (雛劍) tức là kiếm chưa trưởng thành

- Từ 1960 trở về sau, ông đổi qua dùng “nhíp” xe hơi của Nhật (một loại lò so lá để cho trục xe tựa lên ngõ hầu đỡ bị xóc khi xe gặp đường lồi lõm). Sắt Phúc An tuy cũng sắc nhưng đúc kiếm dùng hay bị mẻ, còn nhíp xe thì tuy độ dẻo tốt hơn nhưng thân kiếm lại dễ gãy.
- Đến thập niên 1970, người cháu ông là Trần Khắc Xương (hiện là chủ nhiệm Khoa Vật Liệu đại học Phùng Giáp) chỉ cho ông phương pháp cải tiến thép trong phép luyện kim mới giúp cho Trần Thiên Dương nhiều kiến thức khoa học của mọi ngành đông tây. Ông đổi qua dùng thép của Đức, mềm dẻo hơn, thân kiếm không hay vỡ nhưng lại dễ bị vênh.
- Sang thập niên 1980, Trần Thiên Dương đổi qua dùng thép của Thụy Điển, loại mịn hạt, mềm nhưng không dễ gãy, và là loại thép ông vẫn còn dùng tới tận ngày nay.

Năm 1983, Trần Thiên Dương đăng ký nhãn hiệu Thanh Vân và cũng là người được cấp bằng sáng chế ngân kiếm và ông nổi danh từ đó. Trong lần tranh cử tổng thống năm 1996, cả bốn ứng cử viên Lý Đăng Huy, Bành Minh Mẫn, Hác Bá Thôn và Trần Phúc An đều đến nhà ông để mua kiếm, không phải dùng để chiến đấu mà để tượng trưng cho chí khí nhất định bảo vệ công lý, sống chết theo vật tùy thân.

Tâm trung tuệ kiếm (心中慧劍)

Kiếm ngày xưa còn được gọi là song nhận đồng 雙刃銅 (double-edge bronze), từ đời Đường trở về trước còn có tên là thủ binh 手兵 (hand weapon). Danh từ kiếm xuất hiện đầu tiên đời Chu (1121-249 TTL) và thường được coi như tượng trưng cho sự khôn ngoan và dũng cảm. Trước kia kiếm được đúc bằng đồng, sau thời Chiến Quốc mới được rèn bằng sắt và từ khi có sắt mới phát minh ra đao (saber). Đao xuất hiện đầu tiên tại nước Sở. Hai nhà quân sự gia Tôn Tử, Ngô Khởi là những người đầu tiên nghiên cứu về phép chiến đấu dùng kỵ binh phối hợp với bộ binh nên điều nghiên ra 18 loại binh khí, ngắn và dài dùng trong quân đội. Từ đó về sau, đao được dùng nhiều hơn và kiếm chỉ còn là một loại trang sức, đeo ở ngang hông. Sau đời Hán, kiếm thường chỉ dùng như một pháp khí của các đạo sĩ trong việc bắt ma, trừ tà. Đến đời Đường, Lý Bạch, Đỗ Phủ cũng học phép múa kiếm, đem vào cả trong văn chương. Như thế đủ biết, phép đánh kiếm đã biến thể, chỉ còn là một bộ môn nghệ thuật hơn là thực sự được dùng làm vũ khí trong chiến trận như nhiều người lầm tưởng. Và lại kiếm cũng mỏng manh, không đủ sức để đụng độ với những loại binh khí nặng nề hơn.

Những nhà sưu tầm đời nay thường lẫn lộn giữa danh kiếm (famous sword) và bảo kiếm (precious sword). Danh kiếm là một thanh kiếm mà người chế tạo lấy làm đặc ý. Thời xưa, người thợ rèn khi làm một thanh kiếm chỉ hoàn toàn dùng lượng định bản thân, không theo một mẫu mực, tiêu chuẩn nhất định nào. Cũng vì thế, người ta hay đưa vào những thần thoại để làm tăng sự kỳ bí của sản vật. Mỗi thanh kiếm có một lịch sử riêng và được gọi là danh kiếm nếu được hình thành trong những điều kiện lạ lùng. Còn bảo kiếm thì phải có thêm những đặc tính riêng biệt, hoặc có khi gắn liền với tên người, tên địa phương. Theo Từ Nguyên thì “Bảo kiếm là kiếm được người ta ưa thích”³. Sách cũng ví dụ Côn Ngô (昆吾) kiếm có thể chặt ngọc, Ngư Trường (魚腸) kiếm gọt được sừng tê, hay Việt Nữ kiếm, Thích môn kiếm ...

Thanh kiếm mà Trần Thiên Dương chế tạo đã khiến ông nổi danh chính là thanh Phục Ma Thất Tinh Kiếm. Thanh kiếm có cái tên này được trao giải ba trong triển lãm Dân Tộc Công Nghệ năm 1994. Thời Tam Quốc (220-280), Gia Cát Lượng tương truyền sử dụng Thất Tinh Kiếm. Đào Hoàng Cảnh đời Lương (502-549) cũng khắc 7 ngôi sao trên lưỡi kiếm. Từ đời Tống (920-1279) trở về sau, người ta chỉ đục bảy lỗ trên lưỡi kiếm rồi bịt đồng. Riêng Trần Thiên Dương ông lại mài bảy ngôi sao, cắt thành 106 góc độ khác nhau. Năm 1996, thanh Thích gia đao của họ Trần được giải 5 trong triển lãm Dân Tộc Công Nghệ. Ông cũng xuất bản những tập thơ nhuộm mùi Thiên như *Thiên dữ thu thủy* (Thiên và nước mùa thu), *Tam*

³ Bảo kiếm, nãi kiếm chi khả ái giả (寶劍, 乃劍之可愛者)

xích thu thủy (Ba thước nước mùa thu), *Kiểm đàm thi tâm* (Tâm hồn ở với kiếm, tâm lòng cùng với thơ), *Kiểm lô tuế nguyệt* (Năm tháng trong lò rèn kiếm)....

Phong lô tu tính (封爐修性)

Từ năm 50 trở về sau, cứ năm năm một lần Trần Thiên Dương lại đóng cửa tiệm một thời gian, tính đến nay đã ba lần. Ông đóng cửa tiệm (phong lô - 封爐) cốt để tu tâm dưỡng tính, điều mà ông bảo là để cắt đứt những tạp niệm tham, sân, si, cầu danh, cầu lợi, kể cả việc mong mỗi được thăng tiến trên con đường nghệ thuật. Năm 60 tuổi, ông đóng cửa một năm rưỡi để tiêm tâm đọc lại các thư tịch nói về cách thức đúc cổ kiếm, chẳng hạn như *Cổ Kim Đao Kiếm Lục* (古今刀劍錄) của Đào Hoảng Cảnh (陶弘景) trong có chép:

Vào thời Tam Quốc, năm Chương Võ nguyên niên, Thục chúa Lưu Bị, sai lấy thép ở núi Kim Ngưu đúc thành tám thanh kiếm, trên lưỡi kiếm có khắc hai chữ Chương Võ, gọi là Chương Võ bát kiếm hoặc Thục chúa bát kiếm.

Trần Thiên Dương đúc lại tám thanh kiếm, chạm hình đầu rồng để biểu thị Lưu Bị chính thống kế thừa, kèm thêm những hình hoa cỏ là văn sức thời cuối đời Hán.

Đến đời Minh, một chương trong Trung Hoa Cổ Kim Chú (中華古今注), Đao Kiếm Thiên có chép:

Ngô đại đế có sáu thanh bảo kiếm: Thứ nhất là Bạch Xà (白蛇), thứ nhì là Tử Điện (紫電), thứ ba là Tì Tà (避邪), thứ tư là Bôn Tinh (奔星), thứ năm là Thanh Minh (青冥), thứ sáu là Bách Lý (百里).

Tiệt thay cả sáu thanh bảo kiếm đó đều đã thất lạc. Trần Thiên Dương đặc biệt chú ý đến thanh Tì Tà kiếm nên ông đúc một thanh kiếm, khắc lên hình “tì tà” đời Hán ở đầu kiếm và cán kiếm, khí thế rất hùng vĩ. Đời Minh dân gian chuộng võ nghệ và cũng là thời kỳ mà các chú kiếm sư bắt đầu dùng than đá và bễ thổi (piston bellows) trong việc đúc kiếm, đạt một số tiến bộ trong kỹ thuật luyện kim nên sản xuất được nhiều đao kiếm tốt.

Trần Thiên Dương cũng nghiên cứu phép múa trường kiếm, giản dị hoá phép đánh đơn kiếm, đồng thời phối hợp cả kỹ thuật luyện kim tân thời với cách thức rèn kiếm đời xưa và hình thành được thanh kiếm mà ông đặt tên là Chu Môn (朱門) hàm ý hoài cổ và phối hợp được tinh hoa cũ lẫn mới. Ông tự cho mình sứ mạng khôi phục tinh thần của các kiếm sĩ đời xưa.

Một lý do khác mà ông phải đóng cửa tiệm một thời gian là để kiếm truyền nhân. Ông cũng áp dụng ba nguyên tắc mà Liễu Viên đại sư đã căn dặn khi nhận ông làm đệ tử và vì thế trong 30 năm qua ông chỉ có mười học trò. Trong mười người đó, hiện nay chỉ còn 2 người tiếp tục theo đuổi kiếm thuật và nghề rèn kiếm. Một trong hai người học trò ông là Tô Gia Dụ (蘇嘉裕) đã hai lần đoạt giải Công Nghệ Dân Tộc.

Bây giờ, ngoài thú rèn kiếm và truyền dạy học trò, Trần Thiên Dương còn là chủ nhân của Thanh Vân Kiếm Nghệ Dân Tục Văn Vật Thu Tàng Quán (Chin Yun Sword Folk Cultural Gallery), thành lập năm 1984 ở Sa Lộc. Nơi đây ông trưng bày những thanh kiếm quý do chính tay ông rèn và những đao kiếm cổ ông sưu tầm được, trong đó có một thanh đao bằng đá từ đời Chiến Quốc tìm thấy ở Đài Loan. Tuy nhiên phẩm vật được nhiều người chú ý hơn cả là thanh đao của đao phủ thủ (khoái tử đao - 劊子刀), lưỡi đao hoen rỉ nhưng từng vấy máu không biết bao nhiêu tử tội trong nhiều thế kỷ.

Đao kiếm xưa nay vẫn mang nhiều sự tích ly kỳ. Chúng ta từng nghe Can Tương đúc kiếm không thành, vợ là Mạc Tà phải nhảy vào lò thép mới chảy để hoàn thành hai thanh kiếm một âm một dương. Chúng ta cũng đọc trong tiểu thuyết về một chàng thanh niên vào núi ngộ kỳ duyên, gặp được người truyền cho võ

công tuyệt đỉnh, lại ban cho một thanh kiếm chặt sắt như chặt bùn để xuống núi đi giang hồ hành hiệp. Cuộc đời của Trần Thiên Dương thì gần như ngược lại. Một thanh kiếm không dễ dàng như thế mà phải trải qua nhiều kinh nghiệm gian nan, nhiều mồ hôi và công sức. Thuật rèn kiếm ông cũng phải đi từ đầu và kiến thức về luyện kim là do khoa học mới chứ không phải do kinh nghiệm cũ. Tiểu thuyết là do trí tưởng tượng của các nhà văn, còn thực tại và cơm áo là những gì công nghệ nhân phải đối phó. Chính vì thế, tuy cuộc đời của Trần Thiên Dương không ly kỳ như sách vở, chúng ta lại học được một bài học rất vỡ lòng là những gì tiểu thuyết võ hiệp viết ra không thể tìm thấy trong thực tế.

Nguyễn Duy Chính

2/04

Lược dịch từ

Man of Steel – Swordsmith Chen Tien-yang

*(Thiên Truy Bách Luyện Chú Kiếm Tâm –
Chú Kiếm Công Nghệ Sư Trần Thiên Dương)*

千錘百鍊鑄劍心

鑄劍工藝師陳天陽

Quang Hoa bán nguyệt san

Vol. 28 No. 7 July 2003

